

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu số 04: Mua sắm vật tư máy gạt, máy xúc phục vụ sửa chữa
thường xuyên năm 2024

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của chính phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quy định số 102/QĐ-CT397 ngày 12/01/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Tờ trình ngày 28/12/2023 của Phòng CĐVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 04: Mua vật tư, phụ tùng máy gạt, máy xúc phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2024.

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 29/12/2023 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 04: Mua vật tư, phụ tùng máy gạt, máy xúc phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2024;

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng CĐVT Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 04: Mua sắm vật tư máy gạt, máy xúc phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Chung loại, số lượng, đặc tính kỹ thuật, đơn giá của hàng hóa theo bảng kê chi tiết.

TT	Tên vật tư, phụ tùng/đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền chưa VAT	Thuế VAT	Thành tiền (VNĐ)
----	--	---------	-----	----	---------------	---------------------	----------	------------------

II	Máy gặt D85EX-15								
1	Ga lê đỡ 154-30-01040	ITR-CHINA	Cái	2	4.050.000	8.100.000	8%	8.748.000	
2	Ga lê tỷ 4 gờ 154-30-01030	ITR-CHINA	Cái	3	7.590.000	22.770.000	8%	24.591.600	
3	Ga lê tỷ 2 gờ 154-30-01020	ITR-CHINA	Cái	4	7.030.000	28.120.000	8%	30.369.600	
4	Bánh dẫn hướng 154-30-01010	ITR-CHINA	Cụm	2	37.950.000	75.900.000	8%	81.972.000	
5	Vành sao US216K327 (Bộ = 9 miếng)	ITR-KOREA	Bộ	2	7.995.000	15.990.000	8%	17.269.200	
6	Bu lông xích M22x65	JB-CHINA	Cái	200	24.800	4.960.000	10%	5.456.000	
7	Lưỡi ben - 6 lỗ 154-81-11191	JUNMACH-CHINA	Cái	10	2.070.000	20.700.000	8%	22.356.000	
8	Lưỡi ben - 8 lỗ 154-70-11314	JUNMACH-CHINA	Cái	5	2.430.000	12.150.000	8%	13.122.000	
9	Lưỡi góc phải 150-70-21346	JUNMACH-CHINA	Cái	6	1.470.000	8.820.000	8%	9.525.600	
10	Lưỡi góc trái 150-70-21356	JUNMACH-CHINA	Cái	6	1.470.000	8.820.000	8%	9.525.600	
11	Bu lông sao M22x70	MD-CHINA	Bộ	50	35.500	1.775.000	10%	1.952.500	
12	Bu lông lưỡi ben M20x70	JUNMACH-CHINA	Cái	150	23.800	3.570.000	10%	3.927.000	
III	Máy gặt D155-6							0	
1	Ga lê đỡ 175-30-00515	ITR-CHINA	Cái	2	5.360.000	10.720.000	8%	11.577.600	
2	Ga lê tỷ 4 gờ 175-30-00770	ITR-CHINA	Cái	8	10.930.000	87.440.000	8%	94.435.200	
3	Ga lê tỷ 2 gờ 175-30-00760	ITR-CHINA	Cái	4	10.020.000	40.080.000	8%	43.286.400	
4	Vành sao US228K027 (Bộ = 9 miếng)	ITR-KOREA	Bộ	4	10.070.000	40.280.000	8%	43.502.400	
5	Bu lông xích M24x75	JB-CHINA	Cái	150	35.500	5.325.000	10%	5.857.500	
6	Bu lông sao M24x81	HX-CHINA	Bộ	50	55.500	2.775.000	10%	3.052.500	
7	Bu lông lưỡi ben M24x90	CHINA	Cái	100	39.500	3.950.000	10%	4.345.000	

8	Lưỡi ben 175-70-26310	CHINA	Cái	12	2.480.000	29.760.000	8%	32.140.800	
9	Lưỡi góc trái 175-71-22272	CHINA	Cái	8	2.180.000	17.440.000	8%	18.835.200	
10	Lưỡi góc phải 175-71-22282	CHINA	Cái	8	2.180.000	17.440.000	8%	18.835.200	
IV	Máy gạt D7R								0
1	Ga lê đỡ 9M0638	ITR-CHINA	Cái	4	3.845.000	15.380.000	8%	16.610.400	
2	Ga lê tỷ 2 gờ 9S0316	ITR-CHINA	Cái	10	7.280.000	72.800.000	8%	78.624.000	
3	Ga lê tỷ 4 gờ 9S0317	ITR-CHINA	Cái	12	7.790.000	93.480.000	8%	100.958.400	
4	Vành sao 9W0074 (Bộ = 5 miếng)	ITR-KOREA	Bộ	8	7.280.000	58.240.000	8%	62.899.200	
5	Bu lông xích 7H3599	ITR-CHINA	Cái	330	45.500	15.015.000	10%	16.516.500	
6	Ê cu bắt xích 2S2140	ITR-CHINA	Cái	330	20.200	6.666.000	10%	7.332.600	
7	Bu lông lưỡi ben M22x75	JUNMACH-CHINA	Cái	300	28.300	8.490.000	10%	9.339.000	
8	Bu lông bắt vành sao 5P7665	ITR-CHINA	Cái	130	35.400	4.602.000	10%	5.062.200	
9	Ê cu bắt vành sao 7H3608	ITR-CHINA	Cái	130	15.200	1.976.000	10%	2.173.600	
10	Bánh dẫn hướng 1592086F	ITR-CHINA	Cái	2	25.800.000	51.600.000	8%	55.728.000	
11	Bánh dẫn hướng 6Y2031	ITR-CHINA	Cái	2	24.800.000	49.600.000	8%	53.568.000	
12	Lưỡi ben 7T6678	JUNMACH-CHINA	Cái	18	2.075.000	37.350.000	8%	40.338.000	
13	Lưỡi ben 7T6936	JUNMACH-CHINA	Cái	6	2.075.000	12.450.000	8%	13.446.000	
14	Lưỡi góc trái 9W6198	JUNMACH-CHINA	Cái	8	2.125.000	17.000.000	8%	18.360.000	
15	Lưỡi góc phải 9W6199	JUNMACH-CHINA	Cái	8	2.125.000	17.000.000	8%	18.360.000	
V	Máy xúc PC450								0
1	Vành sao 208-27-61210	ITR-CHINA	Cái	2	6.980.000	13.960.000	8%	15.076.800	
2	Ga lê tỷ 2 Gờ 208-30-00210	ITR-CHINA	Cái	6	6.430.000	38.580.000	8%	41.666.400	

3	Ga lê tỳ 4 Gờ 208-30-00413	ITR-CHINA	Cái	8	8.350.000	66.800.000	8%	72.144.000	
4	Ga lê đỡ 207-30-00550	ITR-CHINA	Cái	2	3.540.000	7.080.000	8%	7.646.400	
5	Bánh dẫn hướng 208-30-00200	ITR-CHINA	Cái	2	21.760.000	43.520.000	8%	47.001.600	
6	Bu lông ga lê tỳ M22x110	HX-CHINA	Cái	50	30.200	1.510.000	10%	1.661.000	
7	Bu lông xích M24x65	JB-CHINA	Cái	200	28.300	5.660.000	10%	6.226.000	
8	Bu lông sao M20x55	HX-CHINA	Cái	80	20.200	1.616.000	10%	1.777.600	
9	Răng gầu đảo đá 14270RC	ETE-CHINA	Cái	40	760.000	30.400.000	8%	32.832.000	
10	Chốt răng gầu PC450	QS-CHINA	Cái	60	55.500	3.330.000	10%	3.663.000	
11	Lợi gầu 208-939-3120HD	ETE-CHINA	Cái	3	1.520.000	4.560.000	8%	4.924.800	
VI	Máy xúc PC750, PC850								0
1	Vành sao 209-27-51173	ITR-CHINA	Cái	4	16.680.000	66.720.000	8%	72.057.600	
2	Ga lê tỳ 209-30-00191	ITR-CHINA	Cái	12	15.080.000	180.960.000	8%	195.436.800	
3	Ga lê đỡ 209-30-00300	ITR-CHINA	Cái	5	6.580.000	32.900.000	8%	35.532.000	
4	Bu lông ga lê tỳ 01011-62760	ITR-CHINA	Cái	50	152.000	7.600.000	10%	8.360.000	
5	Bu lông xích 195-32-11210	ITR-CHINA	Cái	300	60.800	18.240.000	10%	20.064.000	
6	É cu bắt xích 195-32-11221	ITR-CHINA	Cái	300	30.000	9.000.000	10%	9.900.000	
7	Bu lông sao 01010-82475	ITR-CHINA	Cái	100	80.900	8.090.000	10%	8.899.000	
8	Bánh dẫn hướng 209-30-00014	ITR-CHINA	Cái	2	51.100.000	102.200.000	8%	110.376.000	
9	Răng gầu K85RC (chốt dẹt)	ETE-CHINA	Cái	100	2.125.000	212.500.000	8%	229.500.000	
10	Răng gầu X-0850SP (chốt tròn)	ETE-CHINA	Cái	40	2.175.000	87.000.000	8%	93.960.000	
11	Chốt răng gầu K85PN	QS-CHINA	Cái	130	405.000	52.650.000	10%	57.915.000	
12	Chốt răng gầu PC650/PC800	QS-CHINA	Cái	55	121.500	6.682.500	10%	7.350.750	

13	Lợi gầu 74140	ETE-CHINA	Cái	4	3.240.000	12.960.000	8%	13.996.800
14	Lợi gầu K85	ETE-CHINA	Cái	4	3.750.000	15.000.000	8%	16.200.000
13	Lợi gầu cạnh AD-B-770	FM-CHINA	Cái	2	8.910.000	17.820.000	8%	19.245.600
	Ắc gầu 130x830	CLJ-CHINA	Cái	3	4.450.000	13.350.000	10%	14.685.000
	Ắc gầu 115x750	CLJ-CHINA	Cái	3	3.640.000	10.920.000	10%	12.012.000
VII	Máy xúc PC1250							0
1	Vành sao 21N-27-31191	ITR-CHINA	Cái	4	21.760.000	87.040.000	8%	94.003.200
2	Bánh dẫn hướng 21N-30-00110	ITR-CHINA	Cái	4	78.940.000	315.760.000	8%	341.020.800
3	Bu lông sao 01010-82475	ITR-CHINA	Cái	150	80.900	12.135.000	10%	13.348.500
4	Bu lông xích 21N-32-31211	ITR-CHINA	Cái	400	131.500	52.600.000	10%	57.860.000
5	Ê cu bắt xích 198-32-31220	ITR-CHINA	Cái	400	65.800	26.320.000	10%	28.952.000
6	Ga lê ty 21N-30-00121	ITR-CHINA	Cái	21	21.050.000	442.050.000	8%	477.414.000
7	Ga lê đỡ 21N-30-00130	ITR-CHINA	Cái	4	9.000.000	36.000.000	8%	38.880.000
8	Răng gầu XS115RC (chốt dẹt)	ETE-CHINA	Cái	280	3.380.000	946.400.000	8%	1.022.112.000
9	Răng gầu X-1250SP (chốt tròn)	ETE-CHINA	Cái	50	3.680.000	184.000.000	8%	198.720.000
10	Chốt răng gầu XS115	QS-CHINA	Cái	330	485.000	160.050.000	10%	176.055.000
11	Chốt răng gầu PC1250	QS-CHINA	Cái	80	165.800	13.264.000	10%	14.590.400
12	Lưới cắt thành gầu CU-PC650	FM-CHINA	Cái	36	2.400.000	86.400.000	8%	93.312.000
13	Lợi gầu 14140	ETE-CHINA	Cái	6	6.650.000	39.900.000	8%	43.092.000
14	Lợi gầu cạnh AD-H17	FM-CHINA	Cái	4	19.230.000	76.920.000	8%	83.073.600
15	Lợi gầu giữa 350XS115	ETE-CHINA	Cái	6	6.580.000	39.480.000	8%	42.638.400
16	Ắc gầu 140x980	CLJ-CHINA	Cái	4	7.030.000	28.120.000	10%	30.932.000

17	Ắc gầu 140x890	CLJ-CHINA	Cái	4	6.530.000	26.120.000	10%	28.732.000
TỔNG DỰ TOÁN								4.948.844.850

- Chất lượng hàng hóa: Mới 100%, đúng quy cách, chủng loại, sản xuất năm 2022 -:- 2023 (hoặc 2024).

- Bảo hành: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong trường hợp được bảo hành, thời gian bảo hành là 6 tháng hoặc 2000 giờ kể từ thời điểm bàn giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 04: Mua sắm vật tư máy gạt, máy xúc phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2024	4.948.844.850 đồng	Chi phí sản xuất năm 2024 Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 1 năm 2024	Trọn gói	Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực đến hết 31/12/2024.
Tổng giá trị gói thầu: 4.948.844.850 đồng								
<i>Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm bốn tám triệu, tám trăm bốn bốn ngàn, tám trăm năm mươi đồng</i>								

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, CDVT.K03.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh